TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày: 09-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiền

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải

Ông Lê Hữu Trọng

Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Đình Tùng Lâm – Thư ký Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Quang Đẩu- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 197/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 220/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Thị L (tên gọi khác: Đỗ Thị H)**,** sinh ngày 02 tháng 02 năm 1955 tại: Long An; giới tính: Nữ; Nơi thường trú: 297C TL, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Phát T; con bà: Tiên P (Tiền T1); Có chồng tên Đỗ Văn L1; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 11/5/2022 đến ngày 20/5/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, đến ngày 25/10/2024 bị cáo bị bắt tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1942; Nơi cư trú: 23 N, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962; Nơi cư trú: 122 Đ, Phường K, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị M, sinh năm 1957; Nơi cư trú: 332 V, Phường H, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt),

3. Bà Dương Tuyết L2, sinh năm 1951; Nơi cư trú: 24 L, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Mạnh Ư, sinh năm 1955; Nơi cư trú: 20 S, Phường R, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1998, Đỗ Thị L là chủ kiốt TM và chủ thầu bãi xe Trường Trung học phổ thông HV, Phường M, Quận E; bãi xe Trường Trung học phổ thông TTK, Phường I, Quận E. L đã lợi dụng sự quen biết và tin tưởng việc làm ăn vay mượn của nhiều người, cụ thể ngày 16/7/1998, L đã đi cùng cháu là Nguyễn Thị Ngọc Đ tới nhà bà Nguyễn Thị B (địa chỉ: I4 H, Phường N, quận T) để thế chấp căn nhà của bà Đ với số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ đã cho L vay 200.000.000 đồng nêu trên. Từ tháng 01/1998 đến đầu tháng 10/1998, L chơi hụi do Dương Tuyết L2 làm chủ hụi, L đã hốt hụi và thiếu lại 98.000.000 đồng. Tháng 10/1998, L đã mua bia nhiều lần tại tiệm 259A V, Phường N, Quận F do bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1962; Hộ khẩu thường trú: 122 Đ, Phường K, quận P) và thiếu nợ số tiền bia khoảng 100.000.000 đồng. Ngày 16/8/1998, L đã làm hợp đồng kinh doanh bãi xe TTK với Trần Thị M (sinh năm: 1957; Hộ khẩu thường trú: 332 V, Phường H, Quận J) với giá 130.000.000 đồng. Ngày 04/9/1998, L có ký hợp đồng hùn thầu bãi xe HV với Nguyễn Mạnh Ư (sinh năm: 1955; Hộ khẩu thường trú: 20 S, Phường R, quận T) với số tiền 206.880.000 đồng. Tổng cộng L đã chiếm đoạt: 734.880.000 đồng. Sau đó, L làm ăn thua lỗ nên đã sang lại bãi giữ xe đồng thời ngưng hoạt động kinh doanh tại số 138 P, Phường I, Quận E và bỏ trốn khỏi địa phương từ ngày 31/10/1998.

Ngày 06/11/1998 bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đã có đơn tố cáo Đỗ Thị L đã có hành vi chiếm đoạt tiền của bà Đ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày: Ngày 16/7/1998, Đỗ Thị L đã đi đến nhà bà Đ để mượn giấy tờ nhà số 23 N để thế chấp vay mượn tiền, bà Đ đồng ý và cùng với bà L đi đến nhà bà Nguyễn Thị B (địa chỉ: I4 H, Phường N, quận T) để thế chấp căn nhà của bà Đ với số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, bà Đ đã cho L vay 200.000.000 đồng nêu trên. Mỗi tháng bà L trả tiền lãi cho bà Đ 1.000.000 đồng, bà L trả được 06 tháng thì bỏ trốn. Tổng cộng bà L đã vay của bà Đ với số tiền 270.000.000 đồng. Việc vay tiền có ký nhận của bà Đỗ Thị L.

Bà Dương Tuyết L2 trình bày: Bà Đỗ Thị L chơi hụi do Dương Tuyết L2 làm chủ hụi, L đã hốt hụi và thiếu lại 98.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà Đỗ Thị L đã mua bia nhiều lần tại tiệm 259A V, Phường N, Quận F do bà Nguyễn Thị H1 làm chủ, bà L đã thiếu nợ số tiền bia khoảng 100.000.000 đồng, sau đó bà L đi đâu không trả.

Bà Trần Thị M trình bày: Ngày 16/8/1998, bà Đỗ Thị L hợp tác kinh doanh bãi xe TTK với Trần Thị M, bà Mầu đã giao cho bà L số tiền

130.000.000 đồng. Đến ngày 01/9/1998 Trường TTK không cho bà L thầu bãi xe nữa nhưng sau đó bà L không trả lại số tiền hùn vốn cho bà Mầu.

Ông Nguyễn Mạnh Ư trình bày: Bà Đỗ Thị L còn nợ tiền mua bia 206.880.000 đồng. Ngày 04/9/1998 bà L trúng thầu bãi giữ xe HV và đang giữ xe ở đây. Sau đó, bà L nói với tôi hùn vốn vào thầu bãi xe HV và viết giấy nợ chuyển số tiền 206.880.000 đồng vào hùn vốn. Bà L đã vào Trường HV nâng cấp sửa chữa và giữ xe cho học sinh. Đến ngày 29/10/1998 bà L bỏ trốn và có nói miệng lại với con trai bà L là giao ủy quyền bãi xe lại cho ông Ưng nhưng sau đó Trường HV không đồng ý.

Ngày 18/12/1998, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 đã ra Quyết định truy nã đối với Đỗ Thị L.

Ngày 11/5/2022, Cơ quan Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 phối hợp với Công an xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi bắt được đối tượng truy nã Đỗ Thị L.

Tại Cơ quan điều tra Đỗ Thị L đã khai nhận hành vi chiếm đoạt số tiền 270.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 đã tiến hành điều tra xác minh các bị hại kết quả như sau:

Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1962; hộ khẩu thường trú: 122 Đ, Phường K, quận P): Tại địa chỉ trên không có ai tên Nguyễn Thị H1 đăng ký thường trú, tạm trú và không có thực tế cư trú.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1942; hộ khẩu thường trú: 23 N, Phường F, quận B): Tại địa chỉ trên không có ai tên Nguyễn Thị Ngọc Đ sinh năm 1942 cư trú.

Bà Trần Thị M, sinh năm: 1957; hộ khẩu thường trú: 332 V, Phường H, Quận J): Tại địa chỉ trên không có ai tên Trần Thị M sinh năm 1957 đăng ký thường trú, tạm trú và không có thực tế cư trú.

Bà Dương Tuyết L2, sinh năm: 1951; hộ khẩu thường trú: 24 L, Phường C, quận G): Bà Dương Tuyết L2 không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, không rõ đi đâu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 đã tiến hành đăng báo truy tìm các bị hại trên nhưng đến nay chưa có bị hại đến làm việc ghi lời khai làm rõ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được giấy tay vay mượn tiền thể hiện bà L mượn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ số tiền 270.000.000 đồng. Do đó với chứng cứ hiện tại đủ cơ sở xử lý Đỗ Thị L tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân" theo điều 158 Bộ luật hình sự năm 1985 (Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015), với số tiền chiếm đoạt chứng minh được là 270.000.000 đồng.

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của những người khác, hiện những người trình bày bị chiếm đoạt hiện nay đi đâu không rõ, Cơ quan Cảnh sát điều

tra đã đăng báo tìm các bị hại nhưng không thấy ai đến Cơ quan điều tra Công an Quận 5 để làm việc, nên không tiến hành lấy lời khai làm rõ, cũng như không có tài liệu chứng cứ nào khác. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 chưa đủ cơ sở xử lý đối với Đỗ Thị L về hành vi chiếm đoạt khác. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Về vật chứng: Không có.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ hiện đi đâu không rõ, chưa ghi nhận được yêu cầu bồi thường của bà Đ.

Bản cáo trạng số: 39/CT-VKSQ5 ngày 20/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đỗ Thị L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đỗ Thị L về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 3 Điều 175; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Đỗ Thị L với mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù; về vật chứng xử lý theo quy định pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ hiện đi đâu không rõ, chưa ghi nhận được yêu cầu bồi thường của bà Đ nên đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác, khi bà Đ có yêu cầu.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, không tranh luận và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 5, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo Đỗ Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Đỗ Thị L đã có hành vi mượn tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ với tổng cộng số tiền 270.000.000 đồng, sau đó bỏ trốn không trả nhằm chiếm đoạt

số tiền trên. Như vậy, hành vi của bị cáo Đỗ Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Do hành vi của bị cáo thực hiện năm 1998 có đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân" quy định tại Khoản 3 Điều 158 của Bộ luật hình sự năm 1985 (được sửa đổi, bổ sung năm 1991), có mức hình phạt từ 10 năm đến 20 năm tù cao hơn mức hình phạt của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định Khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự 1999 (được sửa, đổi bổ sung năm 2009) có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm tù; và cao hơn tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định điểm Khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa, đổi bổ sung năm 2017), có khung hình phạt từ 05 năm đến 12 năm tù. Nên khi xét xử sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội để xét xử đối với bị cáo.

Đối với các quy định về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, căn cứ quyết định hình phạt và xử lý vật chứng thì áp dụng các quy định pháp luật hiện hành theo hướng có lợi cho bị cáo.

Xét bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình, biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vì lợi ích cá nhân mà đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, để bị cáo có thể cải tạo thành người có ích cho xã hội, đồng thời đủ sức răn đe đối với những người khác có hành vi tương tự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên không xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày Đỗ Thị L đã có hành vi chiếm đoạt tài sản, hiện nay đi đâu không rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đăng báo tìm các bị hại nhưng không thấy ai đến Cơ quan điều tra Công an Quận 5 để làm việc, nên không tiến hành lấy lời khai làm rõ, cũng như không có tài liệu chứng cứ nào khác. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 5 chưa đủ cơ sở xử lý đối với Đỗ Thị L về hành vi chiếm đoạt khác. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[9] Về xử lý vật chứng: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ hiện đi đâu không rõ, chưa ghi nhận được yêu cầu bồi thường của bà Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và sau này bà Đ có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015. Tuy nhiên, do bị cáo là người cao tuổi và tại phiên tòa có đơn xin miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm thep quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 175; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị L 05 (năm) năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 25 tháng 10 năm 2024 nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ trước đây từ ngày 11/5/2022 đến ngày 20/5/2022.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được quyền kiện yêu cầu bị cáo Đỗ Thị L bồi thường thiệt hại bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 5;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận 5;
- Bộ phận THAHS Tòa án Quận 5;
- Phòng PV 06 – Công an Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thanh Tiền